

## QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nâng cấp, mở rộng, kéo dài hệ thống kênh tưới hồ Việt An đến các xã Quế Châu, Quế Thuận (Giai đoạn 3)**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 41/2021/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam;*

*Căn cứ Quyết định số 1725/QĐ-UBND ngày 16/8/2023 của UBND tỉnh Quảng Nam Ủy quyền cho các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố giải quyết thủ tục hành chính;*

*Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nâng cấp, mở rộng, kéo dài hệ thống kênh tưới hồ Việt An đến các xã Quế Châu, Quế Thuận (giai đoạn 3) đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn số 310/BQL ngày 08/8/2023, Công văn số 850/UBND-KT ngày 04/6/2024 của UBND huyện Quế Sơn và các văn bản pháp lý kèm theo;*

*Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 244/TTr-STNMT ngày 11/6/2024 và hồ sơ kèm theo.*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nâng cấp, mở rộng, kéo dài hệ thống kênh tưới hồ Việt An đến các xã Quế Châu, Quế Thuận (giai đoạn 3) do UBND huyện Quế Sơn làm Chủ đầu tư và Ban Quản lý Dự án – Quỹ đất huyện Quế Sơn là đơn vị đại diện UBND huyện Quế Sơn thực hiện Dự án (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường tại phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của Dự án theo quy định tại khoản 1, Điều 36 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

**Điều 3.** Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công khai Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường và Điều 102 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND huyện Quế Sơn; Chủ tịch UBND huyện Hiệp Đức; Giám đốc Ban Quản lý dự án – Quỹ đất huyện Quế Sơn; Chủ tịch UBND các xã: Quế Long, Quế Châu, Quế Thuận, Quế Phong, Bình Lâm, Quế Thọ và thị trấn Đông Phú; các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ TN&MT (b/cáo);
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Phòng TN&MT huyện Quế Sơn;
- Phòng TN&MT huyện Hiệp Đức;
- Lưu: VT, KTN.

**TUQ. CHỦ TỊCH  
GIÁM ĐỐC SỞ TN&MT**



**Bùi Ngọc Ảnh**

**Phụ lục**  
**Các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường của**  
**Dự án Nâng cấp, mở rộng, kéo dài hệ thống kênh tưới hồ Việt An**  
**đến các xã Quế Châu, Quế Thuận (Giai đoạn 3)**  
*(Đính kèm Quyết định số #sov/ QĐ-UBND ngày #nbh/6/2024*  
*của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam)*

**1. Thông tin về Dự án:**

**1.1. Các thông tin về Dự án:**

- Tên Dự án: Nâng cấp, mở rộng, kéo dài hệ thống kênh tưới hồ Việt An đến các xã Quế Châu, Quế Thuận (Giai đoạn 3).
- Chủ đầu tư: UBND huyện Quế Sơn.
- Đại diện chủ đầu tư: Ban Quản lý Dự án – Quỹ đất huyện Quế Sơn.
- Địa chỉ liên hệ: Thị trấn Đông Phú, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.
- Địa điểm thực hiện Dự án: Thuộc địa bàn các xã: Quế Long, Quế Châu, Quế Thuận, Quế Phong, thị trấn Đông Phú của huyện Quế Sơn và các xã: Bình Lâm, Quế Thọ của huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam.

**1.2. Phạm vi Dự án:**

- Nâng cấp, cải tạo tuyến kênh N3-Việt An thuộc địa bàn các xã: Bình Lâm, Quế Thọ của huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam.

**Bảng 1. Tọa độ vị trí tuyến kênh N3**

Số hiệu điểm	Tọa độ (theo hệ tọa độ VN-2000), kinh tuyến trực 105 <sup>00</sup> , múi chiếu 3 <sup>0</sup>	
	X	Y
1	1727069.269	550456.270
2	1727075.347	550448.687
3	1727079.460	550442.470
4	1727079.588	550438.126
5	1727044.113	550351.431
6	1727023.875	550306.354
7	1726987.642	550252.148
8	1726981.307	550239.834
9	1726981.006	550237.124
10	1726981.434	550234.743
11	1727022.801	550176.118
12	1727041.578	550167.042
13	1727073.626	550151.733
14	1727162.104	550108.783
15	1727178.179	550096.098
16	1727002.718	548999.818
17	1727001.674	548992.801
18	1727012.962	548809.046

Số hiệu điểm	Tọa độ (theo hệ tọa độ VN-2000), kinh tuyến trực 105 <sup>00</sup> , múi chiếu 3 <sup>0</sup>	
	X	Y
19	1727017.623	548801.047
20	1727025.633	548796.617
21	1727051.044	548788.897
22	1727088.195	548781.414
23	1727096.249	548775.197
24	1272099.116	548767.690
25	1727114.421	548626.193
26	1727118.174	548597.135
27	1727124.385	548587.170
28	1727145.286	548569.946
29	1727228.513	548505.956
30	1727242.524	548494.629
31	1727300.763	548406.801
32	1727302.484	548394.930
33	1727293.749	548348.894
34	1727254.661	548198.779
35	1727192.387	548073.759
36	1727141.194	547949.626
37	1727123.125	547901.209
38	1727121.972	547837.267
39	1727120.812	547832.499
40	1727037.883	547679.953
41	1727046.332	547654.409
42	1727069.269	550456.270

- Xây dựng mới tuyến kênh N3-2-1 thuộc địa bàn các xã: Quế Phong, Quế Long của huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

**Bảng 2. Tọa độ vị trí tuyến kênh N1**

Số hiệu điểm	Tọa độ (theo hệ tọa độ VN-2000), kinh tuyến trực 105 <sup>00</sup> , múi chiếu 3 <sup>0</sup>	
	X	Y
1	1734132.60	547930.40
2	1734073.70	548135.90
3	1734065.40	548318.20
4	1734414.70	549041.80
5	1734350.20	549383.50
6	1734022.10	540492.20

- Nâng cấp, cải tạo tuyến kênh N1-Hồ Giang thuộc địa bàn các xã: Quế Long, Quế Châu, Quế Thuận, thị trấn Đông Phú của huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

**Bảng 3. Tọa độ vị trí tuyến kênh N3-2-1**

Số hiệu điểm	Tọa độ (theo hệ tọa độ VN-2000), kinh tuyến trục 105 <sup>00</sup> , múi chiếu 3 <sup>0</sup>	
	X	Y
1	1732005.435	547209.012
2	1732154.771	547089.887
3	1732418.773	546826.402
4	1733667.430	547177.321
5	1733664.659	547789.373
6	1733760.484	547906.758
7	1734068.448	548037.434
8	1732143.187	547081.218
9	1732167.624	547100.656
10	1733678.792	547169.602
11	1733653.224	547186.980
12	1734070.092	548030.093
13	1734066.770	548044.721

**1.3. Quy mô của Dự án:**

- Diện tích đất thu hồi vĩnh viễn khoảng 10 ha để xây dựng mới tuyến kênh N3-2-1 và kênh nội đồng (được phê duyệt danh mục kế hoạch sử dụng đất 2023 trên địa bàn huyện Quế Sơn tại Quyết định số 1241/QĐ-UBND ngày 15/06/2023 của UBND tỉnh Quảng Nam). Phần tuyến kênh N3-Việt An và tuyến kênh N1- Hồ Giang là các tuyến kênh được nâng cấp, cải tạo nên diện tích sử dụng đất nằm trong phạm vi tuyến kênh hiện trạng.

- Dự án nhóm C, công trình thủy lợi.

- Cấp công trình: cấp IV.

- Quy mô:

+ Nâng cấp 3.246 m kênh N3 đảm bảo nhiệm vụ tưới 880 ha lúa 02 vụ.

+ Xây dựng mới 3.367 m kênh N3-2-1 (từ K2+600 ÷ K6+000) đảm bảo tưới 380 ha lúa 02 vụ và khoảng 2.000 m kênh nội đồng.

+ Nâng cấp 6.241 m kênh N1-Hồ Giang đảm bảo tưới cho 457 ha lúa 02 vụ.

**1.4. Công nghệ và biện pháp thi công Dự án:**

Thực hiện thi công cùng lúc trên các tuyến kênh của công trình và tổ chức thi công thi công theo hình thức cuốn chiếu.

- Chuẩn bị mặt bằng để tập kết máy móc, nguyên vật liệu.

- Phương án dẫn dòng thi công và trình tự thi công.

- Thi công tuyến kênh và các công trình trên kênh.

- Thi công đào đất đá bằng máy kết hợp thủ công.

- Thi công công tác bê tông.

- Thi công lắp đặt ống bi ly tâm.

## 1.5. Hạng mục công trình của Dự án:

### 1.5.1. Các hạng mục công trình chính của Dự án:

a) Nâng cấp kênh N3-Hồ Việt An (Kênh nhánh cấp I):

- Nâng cấp toàn bộ tuyến kênh N3 từ kênh đất thành kênh hình hộp hở, mặt cắt chữ nhật bằng bê tông cốt thép đi qua xã Bình Lâm và xã Quế Thọ, huyện Hiệp Đức.

- Cao độ đầu kênh đáy đầu kênh +71,37 m, cao độ đáy cuối kênh +59,87 m.

- Lưu lượng thiết kế  $Q_{tk}=1,62 \text{ m}^3/\text{s}$ . Lưu lượng dùng nước tại kênh thủy lợi N3:  $Q_{cuối \text{ kênh}} = 1,58 \text{ m}^3/\text{s}$ .

- Các hạng mục công trình gồm:

+ Phần kênh: Nâng cấp kênh đất (hình thang) thành kênh bê tông cốt thép M250, mặt cắt hình chữ nhật, hộp hở; đáy kênh dày 15 cm, thành dày 15 cm; dưới đáy kênh đệm bê tông lót M100 dày 5 cm; chiều dài kênh  $L = 3.246 \text{ m}$ , cao độ đáy đầu kênh +71,37 m, cao độ đáy cuối kênh +59,87 m; với các thông số kỹ thuật chủ yếu như sau:

**Bảng 4. Thông số kỹ thuật nâng cấp kênh N3-Hồ Việt An**

Đoạn kênh	$Q_{tk}$ ( $\text{m}^3/\text{s}$ )	$B_k$ (m)	$h_{tk}$ (m)	$H_k$ (m)	$i$ ( $10^{-4}$ )	m	$V$ (m/s)	$\omega$ (ha)
K0+000 - K2+152	1,62	1,70	1,17	1,50	5	0	0,81	880
K2+152 - K3+246	1,58	1,50	1,01	1,30	10	0	1,05	865

+ Công trình trên kênh: Tận dụng các công trình cống tiêu cũ, sửa chữa toàn bộ 25 cống tưới và xây dựng mới 15 cầu qua kênh tại các vị trí cũ, 04 bậc nước giữ nguyên.

b) Xây mới kênh N3-2-1 (từ K2+600 ÷ K6+000) (Kênh nhánh cấp III của kênh N3):

- Xây dựng mới đoạn tuyến kênh N3-2-1 có chiều dài  $L=3.367 \text{ m}$  hình hộp hở, mặt cắt chữ nhật bằng bê tông cốt thép đi qua xã Quế Phong, xã Quế Long; nối tiếp vào kênh N1-Hồ Giang tại K2+100.

- Lưu lượng thiết kế đầu đoạn  $Q_{tk}=0,67 \text{ m}^3/\text{s}$ .

- Các hạng mục công trình gồm:

+ Phần kênh: Xây dựng mới kênh bê tông cốt thép, mặt cắt hình chữ nhật; đáy và thành kênh dày 12 cm, dưới đáy kênh đệm bê tông lót M100 dày 5 cm; chiều dài kênh  $L= 3.367 \text{ m}$ , cao độ đáy đầu kênh tại S40 là +49,20 m, cao độ đáy cuối kênh là + 44,15 m; với các thông số kỹ thuật chủ yếu như sau:

**Bảng 5. Thông số kỹ thuật xây mới kênh N3-2-1**

Đoạn kênh	$Q_{tk}$ ( $m^3/s$ )	$B_k$ (m)	$h_{tk}$ (m)	$H_k$ (m)	$i$ ( $10^{-4}$ )	M	V (m/s)	$\omega$ (ha)
K2+600 - K6+000	0,67	1,0	0,89	1,2	8	0	0,76	380

+ Công trình trên kênh: Xây dựng mới 04 cầu máng với tổng chiều dài 1.404 m (trong đó cầu máng lớn nhất dài 612 m), 19 cống tưới, 02 xi phông, 05 cống qua đường và 05 cống tiêu.

c) Nâng cấp Kênh N1-Hồ Giang (Kênh nhánh cấp I):

- Nâng cấp toàn bộ tuyến kênh N1-Hồ Giang từ kênh tấm lát thành kênh hình hộp chữ nhật bằng bê tông cốt thép đi qua các xã Quế Long, thị trấn Đông Phú, Quế Châu và Quế Thuận.

- Cao độ đáy đầu kênh +44,15 m, cao độ đáy cuối kênh +36,00 m.

- Lưu lượng thiết kế tại đầu kênh N1  $Q_{tk} = 1,23 m^3/s$ . Lưu lượng dùng nước  $Q_{cuối\ kênh} = 0,27 m^3/s$ .

- Các hạng mục công trình gồm:

+ Phân kênh: Nâng cấp kênh đất, một số đoạn kênh tấm lát đã xuống cấp nặng (hình thang) thành kênh bê tông cốt thép M250, mặt cắt hình chữ nhật; đáy và thành kênh dày 10÷12 cm; dưới đáy kênh đệm bê tông lót M100 dày 5 cm; chiều dài kênh  $L = 6.241 m$ ; với các thông số kỹ thuật chủ yếu như sau:

**Bảng 6. Thông số kỹ thuật nâng cấp Kênh N1-Hồ Giang**

Đoạn kênh	$Q_{tk}$ ( $m^3/s$ )	$B_k$ (m)	$h_k$ (m)	$H_k$ (m)	$i(10^{-4})$	m	V (m/s)	$\Omega$ (ha)
K0+0,0 ÷ K1+590	1,23	1,50	1,00	1,20	5	0	0,84	457
K1+590 ÷ K2+275	1,09	1,40	1,00	1,20	5	0	0,82	402
K2+275 ÷ K3+090	0,91	1,30	1,00	1,20	5	0	0,78	342
K3+090 ÷ K3+980	0,76	1,20	0,85	1,10	5	0	0,74	280
K3+980 ÷ K4+286	0,54	1,10	0,72	1,00	5	0	0,68	200
K4+286 ÷ K6+241	0,27	0,80	0,59	0,80	5	0	0,57	100

+ Công trình trên kênh: Tận dụng các công trình cống tiêu cũ, sửa chữa toàn bộ 18 cống tưới cũ và xây dựng mới 10 cầu qua kênh tại các vị trí cũ.

d) Kênh nội đồng: Xây dựng mới tuyến kênh bằng kênh hộp, bê tông cốt thép M250, mặt cắt hình chữ nhật, có kích thước  $B \times H = 0,4 \times 0,4m$ , chiều dài  $L = 02 km$  và các công trình trên kênh đảm bảo diện tích tưới nhỏ lẻ tại khu vực (hiện đã xây dựng hơn 1,5 km và tiếp tục đầu tư thêm các nhánh mới). Lưu lượng thiết kế  $Q_{tk} = 0,03 m^3/s$ .

### 1.5.2. Các hạng mục công trình phụ trợ của Dự án:

a) Bãi tập kết:

☞ Nâng cấp, cải tạo tuyến kênh N3-Hồ Việt An:

Có 08 vị trí để bố trí bãi tập kết nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị, công trình bảo vệ môi trường (BVMT) dọc theo tuyến kênh thi công theo hình thức: khi thi công dứt điểm từng đoạn của tuyến kênh sẽ thực hiện thu dọn máy móc, thiết bị, công trình BVMT và di chuyển đến vị trí bãi tập kết tiếp theo của tuyến kênh để phục vụ cho công tác thi công.

**Bảng 7. Vị trí bố trí bãi tập kết nguyên vật liệu, máy móc thiết bị, công trình BVMT**

STT	Các vị trí bố trí bãi tập kết	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105 <sup>00</sup> , múi chiếu 3 <sup>0</sup>		
			Điểm góc	X(m)	Y(m)
1	N3 (1)	200	1	1727021.10	550302.07
			2	1727015.46	550304.85
			3	1726997.12	550276.57
			4	1727002.12	550273.66
2	N3 (2)	250	1	1727332.02	549895.08
			2	1727321.60	549918.96
			3	1727312.56	549915.47
			4	1727322.53	549891.72
3	N3 (3)	250	1	1727403.95	549458.95
			2	1727414.21	549483.92
			3	1727404.69	549486.68
			4	1727395.49	549462.46
4	N3 (4)	200	1	1727127.13	549131.16
			2	1727126.29	549137.55
			3	1727097.66	549134.21
			4	1727098.00	549126.79
5	N3 (5)	250	1	1727011.32	548810.09
			2	1727010.80	548847.61
			3	1727004.12	548847.80
			4	1727004.43	548810.62
6	N3 (6)	200	1	1727168.99	548548.05
			2	1727172.21	548552.34
			3	1727141.22	548575.86
			4	1727138.50	548571.52
7	N3 (7)	200	1	1727256.39	548202.45
			2	1727250.77	548204.78
			3	1727237.89	548175.89
			4	1727243.25	548172.10
8	N3 (8)	200	1	1727127.04	547915.17
			2	1727135.79	547941.32
			3	1727128.88	547943.87
			4	1727120.88	547918.33

☒ Xây dựng mới tuyến kênh N3-2-1 và kênh nội đồng:



Có 08 vị trí để bố trí bãi tập kết nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị, công trình BVMT dọc theo tuyến kênh thi công theo hình thức: khi thi công dứt điểm từng đoạn của tuyến kênh sẽ thực hiện thu dọn máy móc, thiết bị, công trình BVMT và di chuyển đến vị trí bãi tập kết tiếp theo của tuyến kênh để phục vụ cho công tác thi công.

**Bảng 8. Các vị trí bố trí bãi tập kết nguyên vật liệu, máy móc thiết bị, công trình BVMT**

STT	Các vị trí bố trí bãi tập kết	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105 <sup>00</sup> , múi chiếu 3 <sup>0</sup>		
			Điểm góc	X(m)	Y(m)
1	N3-2-1 (1)	200	1	1732117.75	547138.31
			2	1732114.37	547122.34
			3	1732125.62	547117.82
			4	1732129.19	547134.71
2	N3-2-1 (2)	200	1	1732307.37	546912.38
			2	1732294.62	546902.32
			3	1732303.83	546894.01
			4	1732316.60	546903.61
3	N3-2-1 (3)	200	1	1732578.58	546751.75
			2	1732591.12	546755.73
			3	1732599.11	546742.75
			4	1732587.40	546737.59
4	N3-2-1 (4)	200	1	1733102.21	546927.72
			2	1733117.29	546929.23
			3	1733120.04	546917.88
			4	1733105.91	546912.08
5	N3-2-1 (5)	250	1	1733459.82	547027.41
			2	1733468.37	547032.81
			3	1733481.42	547014.03
			4	1733469.16	547013.42
6	N3-2-1 (6)	200	1	1733729.23	547319.88
			2	1733741.14	547315.56
			3	1733745.62	547330.10
			4	1733732.70	547334.76
7	N3-2-1 (7)	200	1	1733868.28	547603.90
			2	1733878.31	547603.46
			3	1733878.73	547623.69
			4	1733869.03	547624.85
8	N3-2-1 (8)	200	1	1733889.82	547889.06
			2	1733895.85	547882.85
			3	1733910.64	547901.44
			4	1733902.88	547906.50

☑ Nâng cấp, cải tạo tuyến kênh N1-Hồ Giang

Có 16 vị trí để bố trí bãi tập kết nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị, công trình BVMT dọc theo tuyến kênh thi công theo hình thức: khi thi công dứt điểm từng đoạn của tuyến kênh sẽ thực hiện thu dọn máy móc, thiết bị, công trình BVMT và di chuyển đến vị trí bãi tập kết tiếp theo của tuyến kênh để phục vụ cho công tác thi công.

**Bảng 9. Vị trí bố trí bãi tập kết nguyên vật liệu, máy móc thiết bị, công trình BVMT**

STT	Các vị trí bố trí bãi tập kết	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105 <sup>00</sup> , múi chiếu 3 <sup>0</sup>		
			Điểm gốc	X(m)	Y(m)
1	N1 (1)	200	1	1734083.76	548025.56
			2	1734099.69	548029.88
			3	1734096.06	548042.45
			4	1734081.82	548038.43
2	N1 (2)	200	1	734069.32	48460.77
			2	1734074.58	548460.12
			3	1734079.18	548491.94
			4	1734071.66	548491.52
3	N1 (3)	200	1	1734228.69	548767.95
			2	1734245.03	548789.94
			3	1734251.13	548785.09
			4	1734234.81	548763.23
4	N1 (4)	200	1	1734395.16	549061.14
			2	1734392.51	549089.24
			3	1734399.18	549090.15
			4	1734402.61	549061.66
5	N1 (5)	200	1	1734350.41	549379.03
			2	1734356.99	549375.28
			3	1734367.81	549402.48
			4	1734362.14	549404.63
6	N1 (6)	200	1	1734466.04	549746.59
			2	1734475.09	549745.35
			3	1734477.89	549768.07
			4	1734467.70	549766.73
7	N1 (7)	200	1	1734341.07	550130.91
			2	1734342.16	550138.22
			3	1734316.36	550144.80
			4	1734314.92	550137.42
8	N1 (8)	200	1	1734014.48	550510.30
			2	1734022.82	550511.98
			3	1734012.90	550534.51
			4	1734004.43	550531.78
9	N1 (9)	200	1	1734040.37	550859.28
			2	1734047.12	550857.22

STT	Các vị trí bố trí bãi tập	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105 <sup>00</sup> , múi chiếu 3 <sup>0</sup>		
			3	1734052.31	550885.78
			4	1734045.44	550888.38
10	N1 (10)	200	1	1734062.45	551206.99
			2	1734073.40	551205.69
			3	1734073.73	551225.31
			4	1734063.09	551226.70
11	N1 (11)	200	1	1734037.41	551743.00
			2	1734044.16	551739.97
			3	1734052.52	551765.85
			4	1734045.50	551768.88
12	N1 (12)	200	1	1734244.61	552130.88
			2	1734253.08	552129.38
			3	1734256.37	552153.34
			4	1734247.80	552154.34
13	N1 (13)	200	1	1734358.65	552381.09
			2	1734364.48	552379.33
			3	1734373.79	552404.94
			4	1734365.86	552408.00
14	N1 (14)	200	1	1734490.90	552784.02
			2	1734502.73	552774.72
			3	1734511.43	552798.51
			4	1734510.05	552799.21
15	N1 (15)	200	1	1734730.14	553131.08
			2	1734741.30	553126.91
			3	1734744.49	553145.50
			4	1734734.28	553148.81
16	N1 (16)	200	1	1734898.45	553400.37
			2	1734909.19	553390.67
			3	1734919.27	553400.26
			4	1734907.65	553410.23

b) Bãi thải: Bố trí 04 bãi thải lưu giữ đất đá thải trong quá trình giải phóng mặt bằng, thi công các hạng mục công trình của Dự án, cụ thể như sau:

- Bãi thải Đồng Chùa tại thôn Việt An, xã Bình Lâm, huyện Hiệp Đức (phục vụ thi công tuyến kênh N3-Hồ Việt An) có diện tích 272,54 m<sup>2</sup>, sức chứa thải từ 2.000 - 3.000 m<sup>3</sup>. Hiện trạng bãi đất trống do UBND xã quản lý.

- Bãi thải rừng dâu thuộc thôn Thạch Thượng xã Quế Phong, huyện Quế Sơn (phục vụ thi công tuyến kênh N3-2-1) có diện tích 694,57 m<sup>2</sup>, sức chứa thải từ 3.000 - 4.000 m<sup>3</sup>. Hiện trạng là bãi tập kết rác của xã, do UBND xã quản lý.

- Bãi thải Đồng Khe Trầu thuộc thôn Lộc Thượng, xã Quế Long, huyện Quế Sơn (phục vụ thi công tuyến kênh N1-Hồ Giang) có diện tích 633,68 m<sup>2</sup>, sức chứa thải từ 2.000 - 3.000 m<sup>3</sup>. Hiện trạng bãi đất trống, do UBND xã quản lý.

- Bãi thải rừng Đồng Thành thuộc thôn Đồng Thành, xã Quế Châu, huyện Quế Sơn (phục vụ thi công tuyến kênh N1-Hồ Giang) có diện tích 1.739 m<sup>2</sup>, sức chứa thải từ 4.000 - 5.000 m<sup>3</sup>. Hiện trạng bãi đất trống, do UBND xã quản lý.

**Bảng 10. Vị trí các bãi thải**

STT	Khu đất bãi thải	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105 <sup>o</sup> 00, múi chiếu 3 <sup>o</sup>		
			Điểm góc	X(m)	Y(m)
1	Bãi thải Đồng Chùa - xã Bình Lâm	272,54			
	Khu số 1	201,67	R1	550228.737	1727305.438
			R2	550219.814	1727326.808
			R3	550229.404	1727330.038
			R4	550230.830	1727324.674
			R5	550235.975	1727309.407
	Khu số 2	70,87	L1	550225.030	1727290.203
			L2	550235.644	1727295.206
			L3	550239.524	1727289.536
			L4	550227.317	1727285.810
2	Bãi thải rừng dâu - xã Quế Phong	694,57	1	546783.693	1732147.441
			2	546793.609	1732133.328
			3	546780.497	1732122.075
			4	546770.585	1732134.713
3	Bãi thải Đồng Khe Trầu – xã Quế Long	633,68	1	546645.421	1734369.356
			2	546623.640	1734364.454
			3	546618.415	1734377.571
			4	546625.199	1734383.373
			5	546616.573	1734401.214
			6	546627.580	1734406.522
4	Bãi thải rừng Đồng Thành – xã Quế Châu	1.739,3	1	554858.476	1734420.370
			2	554869.991	1734393.858
			3	554887.707	1734357.539
			4	554899.109	1734343.230
			5	554878.976	1734331.639
			6	554840.66	1734409.475

### 1.5.3. Các hạng mục công trình BVMT:

a) Thu gom và xử lý chất thải rắn (CTR) sinh hoạt, chất thải nguy hại (CTNH): Tại khu vực bãi tập kết nguyên vật liệu sẽ bố trí các thùng đựng CTR sinh hoạt; trang bị thùng chứa CTNH có nắp đậy kín, có dán nhãn cảnh báo. Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý theo quy định.

b) Thu gom và xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: Tại vị trí bãi tập kết sẽ bố trí 01 nhà vệ sinh di động

phục vụ cho nhu cầu vệ sinh cá nhân của công nhân xây dựng; hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý chất thải khi đầy dung tích bể chứa; thực hiện tháo dỡ, vệ sinh môi trường sau khi kết thúc đoạn tuyến thi công trước khi chuyển đến vị trí bãi tập kết tiếp theo của công trình thi công.

- Nước thải thi công: Bố trí 01 bồn chứa nước dung tích 300 lít tại khu vực tập kết máy móc, thiết bị để rửa các thiết bị, dụng cụ xây dựng; nước sau lắng được tái sử dụng, không xả thải ra môi trường.

**1.6. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:** Dự án chuyển đổi mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa 02 vụ với diện tích 20.000 m<sup>2</sup>.

## **2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường**

- Trong gian đoạn chuẩn bị, giải phóng mặt bằng: Bụi, CTR sinh hoạt, sinh khối bùn đất hữu cơ tại khu vực ruộng lúa, thảm thực vật,... phát sinh trong quá trình phát quang, dọn dẹp mặt bằng.

- Trong giai đoạn thi công xây dựng: Bụi, khí thải do hoạt động của phương tiện vận chuyển, tập kết nguyên vật liệu xây dựng và hoạt động thi công tuyến kênh; nước thải sinh hoạt của người lao động, nước thải từ hoạt động thi công xây dựng, nước mưa chảy tràn, CTR xây dựng từ quá trình thi công xây dựng, CTR sinh hoạt từ quá trình sinh hoạt của công nhân, CTNH từ máy móc, thiết bị thi công.

## **3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án:**

### **3.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất nước thải:**

#### **☒ Nâng cấp, cải tạo kênh N3-Hồ Việt An**

##### **a) Nguồn phát sinh:**

- Giai đoạn giải phóng mặt bằng: Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 0,3 m<sup>3</sup>/ngày đêm với thành phần chủ yếu là TSS, BOD<sub>5</sub>, Amoni, Phosphate, Clorua, Chất hoạt động bề mặt, Coliform.

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 1,2 m<sup>3</sup>/ngày đêm với thành phần chủ yếu là TSS, BOD<sub>5</sub>, Amoni, Phosphate, Clorua, Chất hoạt động bề mặt, Coliform.

+ Nước thải vệ sinh dụng cụ thi công ước tính khoảng 03 m<sup>3</sup>/ngày đêm với thành phần chủ yếu TSS, BOD<sub>5</sub>, COD, Tổng N, Tổng P,...

- Giai đoạn vận hành công trình: Không phát sinh nước thải.

b) Đối tượng bị tác động: Môi trường đất, chất lượng nước ngầm, nước mặt khu vực dự án, công nhân thi công.

c) Mức độ tác động: Trung bình.

#### **☒ Xây dựng mới kênh N3-2-1 và kênh nội đồng**

## a) Nguồn phát sinh:

- Giai đoạn giải phóng mặt bằng: Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 1,8 m<sup>3</sup>/ngày đêm với thành phần chủ yếu là TSS, BOD<sub>5</sub>, Amoni, Phosphate, Clorua, Chất hoạt động bề mặt, Coliform.

## - Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 1,8 m<sup>3</sup>/ngày đêm với thành phần chủ yếu là TSS, BOD<sub>5</sub>, Amoni, Phosphate, Clorua, Chất hoạt động bề mặt, coliform.

+ Nước thải vệ sinh dụng cụ thi công ước tính khoảng 03 m<sup>3</sup>/ngày đêm với thành phần chủ yếu TSS, BOD<sub>5</sub>, COD, Tổng N, Tổng P,...

## - Giai đoạn vận hành công trình: Không phát sinh nước thải.

b) Đối tượng bị tác động: Môi trường đất, chất lượng nước ngầm, nước mặt khu vực dự án, công nhân thi công.

## c) Mức độ tác động: Trung bình.

**☒ Nâng cấp, cải tạo kênh N1-Hố Giang**

## a) Nguồn phát sinh:

- Giai đoạn giải phóng mặt bằng: Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 0,3 m<sup>3</sup>/ngày đêm với thành phần chủ yếu là TSS, BOD<sub>5</sub>, Amoni, Phosphate, Clorua, Chất hoạt động bề mặt, Coliform.

## - Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 1,8 m<sup>3</sup>/ngày đêm với thành phần chủ yếu là TSS, BOD<sub>5</sub>, Amoni, Phosphate, Clorua, Chất hoạt động bề mặt, coliform.

+ Nước thải vệ sinh dụng cụ thi công ước tính khoảng 03 m<sup>3</sup>/ngày với thành phần chủ yếu TSS, BOD<sub>5</sub>, COD, Tổng N, Tổng P,...

## - Giai đoạn vận hành công trình: Không phát sinh nước thải.

b) Đối tượng bị tác động: Môi trường đất, chất lượng nước ngầm, nước mặt khu vực dự án, công nhân thi công.

## c) Mức độ tác động: Trung bình.

**3.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất bụi, khí thải:****☒ Nâng cấp, cải tạo kênh N3-Hồ Việt An**

## a) Nguồn phát sinh:

- Giai đoạn giải phóng mặt bằng: Bụi, khí thải phát sinh trong quá trình phát quang dọn dẹp cây cỏ, cây bụi, hoa màu và quá trình vận chuyển xà bần, sinh khối thảm thực vật.

## - Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động đào, đắp đất: Theo kết quả tính toán tại Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án xác định nồng độ các chất ô

nhằm đối với bụi, khí thải từ hoạt động đào, đắp đất nằm trong giới hạn cho phép QCVN 05:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

+ Bụi phát sinh từ hoạt động vận chuyển, tập kết nguyên vật liệu xây dựng và quá trình vận chuyển đất đá thải đến bãi thải. Theo kết quả tính toán tại Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án xác định nồng độ các chất ô nhiễm đối với bụi, khí thải từ phương tiện vận chuyển nằm trong giới hạn cho phép QCVN 05:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

+ Bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện thi công cơ giới, hoạt động của máy trộn bê tông thủ công: Mức độ tác động không lớn do các phương tiện máy móc hoạt động không liên tục.

- Giai đoạn vận hành công trình: không phát sinh bụi, khí thải.

b) Đối tượng bị tác động: Môi trường không khí, công nhân làm việc tại công trường, người dân tham gia giao thông và sinh sống dọc tuyến kênh.

c) Mức độ tác động: Trung bình.

#### **☒ Xây dựng mới kênh N3-2-1 và kênh nội đồng**

a) Nguồn phát sinh:

- Giai đoạn giải phóng mặt bằng: Bụi, khí thải phát sinh trong quá trình phát quang dọn dẹp cây cỏ, cây bụi, hoa màu và quá trình vận chuyển xà bần, sinh khối thảm thực vật.

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động đào, đắp đất: Theo kết quả tính toán tại Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án xác định nồng độ các chất ô nhiễm đối với bụi, khí thải từ hoạt động đào, đắp đất nằm trong giới hạn cho phép QCVN 05:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

+ Bụi phát sinh từ hoạt động vận chuyển, tập kết nguyên vật liệu xây dựng và quá trình vận chuyển đất đá thải đến bãi thải. Theo kết quả tính toán tại Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án xác định nồng độ các chất ô nhiễm đối với bụi, khí thải từ phương tiện vận chuyển nằm trong giới hạn cho phép QCVN 05:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

+ Bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện thi công cơ giới, hoạt động của máy trộn bê tông thủ công: Mức độ tác động không lớn do các phương tiện máy móc hoạt động không liên tục.

- Giai đoạn vận hành công trình: không phát sinh bụi, khí thải.

b) Đối tượng bị tác động: Môi trường không khí, công nhân làm việc tại công trường, người dân tham gia giao thông và sinh sống dọc tuyến kênh.

c) Mức độ tác động: Trung bình.

#### **☒ Nâng cấp, cải tạo kênh N1- Hồ Giang**

a) Nguồn phát sinh:

- Giai đoạn giải phóng mặt bằng: Bụi, khí thải phát sinh trong quá trình phát quang dọn dẹp cây cỏ, cây bụi, hoa màu và quá trình vận chuyển xà bần, sinh khối thảm thực vật.

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động đào, đắp đất: Theo kết quả tính toán tại Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án xác định nồng độ các chất ô nhiễm đối với bụi, khí thải từ hoạt động đào, đắp đất nằm trong giới hạn cho phép QCVN 05:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

+ Bụi phát sinh từ hoạt động vận chuyển, tập kết nguyên vật liệu xây dựng và quá trình vận chuyển đất đá thải đến bãi thải. Theo kết quả tính toán tại Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án xác định nồng độ các chất ô nhiễm đối với bụi, khí thải từ phương tiện vận chuyển nằm trong giới hạn cho phép QCVN 05:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

+ Bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện thi công cơ giới, hoạt động của máy trộn bê tông thủ công: Mức độ tác động không lớn do các phương tiện máy móc hoạt động không liên tục.

- Giai đoạn vận hành công trình: không phát sinh bụi, khí thải.

b) Đối tượng bị tác động: Môi trường không khí, công nhân làm việc tại công trường, người dân tham gia giao thông và sinh sống dọc tuyến kênh.

c) Mức độ tác động: Trung bình.

### **3.3. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất do CTR:**

#### **☒ Nâng cấp, cải tạo kênh N3-Hồ Việt An**

a) Nguồn phát sinh:

- Giai đoạn giải phóng mặt bằng: Cây bụi, cỏ phát triển dọc tuyến kênh và CTR sinh hoạt phát sinh của công nhân thi công trung bình khoảng 02 kg/ngày với thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, bao bì thải...

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ CTR xây dựng: Đất đào thải bỏ từ quá trình đào móng công trình, nạo vét kênh hiện trạng với khối lượng ước tính khoảng 551,82 m<sup>3</sup>;

+ CTR sinh hoạt phát sinh của công nhân thi công khoảng 08 kg/ngày với thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, bao bì thải...

- Giai đoạn vận hành công trình: Phát sinh trong thời gian bảo dưỡng công trình và một phần là CTR sinh hoạt do hoạt động kinh doanh, buôn bán nhỏ lẻ, sinh hoạt hằng ngày của người dân dọc tuyến kênh phát thải vào môi trường.

b) Đối tượng tác động: Chất lượng nước mặt tuyến kênh, môi trường không khí, cảnh quan tại khu vực.

c) Mức độ tác động: Trung bình.

#### **☒ Xây dựng mới kênh N3-2-1 và kênh nội đồng**



## a) Nguồn phát sinh:

- Giai đoạn giải phóng mặt bằng: Sinh khối thảm thực vật, cây bụi với khối lượng ước tính khoảng 191.000 tấn và CTR sinh hoạt phát sinh của công nhân thi công trung bình khoảng 12 kg/ngày với thành phần thức ăn thừa, bao bì thải...

## - Giai đoạn thi công xây dựng:

+ CTR xây dựng: Đất đào thải bỏ khoảng 336,7 m<sup>3</sup>; khối lượng bóc tách lớp đất hữu cơ tại khu vực ruộng lúa nước khoảng 6.000 m<sup>3</sup>.

+ CTR sinh hoạt phát sinh của công nhân thi công khoảng 12 kg/ngày.

- Giai đoạn vận hành công trình: Phát sinh trong thời gian bảo dưỡng công trình và một phần là CTR sinh hoạt do hoạt động kinh doanh, buôn bán nhỏ lẻ, sinh hoạt hằng ngày của người dân dọc tuyến kênh phát thải vào môi trường.

b) Đối tượng tác động: Chất lượng nước mặt tuyến kênh, môi trường không khí, cảnh quan khu vực.

## c) Mức độ tác động: Trung bình.

**☒ Nâng cấp, cải tạo kênh N1-Hố Giang**

## a) Nguồn phát sinh:

- Giai đoạn giải phóng mặt bằng: Cây bụi, cỏ phát triển dọc tuyến kênh và CTR sinh hoạt phát sinh của công nhân thi công trung bình khoảng 02 kg/ngày với thành phần chủ yếu thức ăn thừa, bao bì thải...

## - Giai đoạn thi công xây dựng:

+ CTR xây dựng: Đất đào thải bỏ trong quá trình đào móng công trình, nạo vét kênh hiện trạng với khối lượng ước tính khoảng 936,15 m<sup>3</sup>.

+ CTR sinh hoạt phát sinh của công nhân thi công khoảng 12 kg/ngày.

- Giai đoạn vận hành công trình: Phát sinh trong thời gian bảo dưỡng công trình và một phần là CTR sinh hoạt do hoạt động kinh doanh, buôn bán nhỏ lẻ, sinh hoạt hằng ngày của người dân dọc tuyến kênh phát thải vào môi trường.

b) Đối tượng tác động: Chất lượng nước mặt tuyến kênh, môi trường không khí, cảnh quan khu vực.

## c) Mức độ tác động: Trung bình.

**3.4. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất CTNH:****☒ Nâng cấp, cải tạo kênh N3.**

a) Nguồn phát sinh trong giai đoạn thi công từ phương tiện thi công, máy móc thiết bị là can chứa dầu phụ, giẻ lau dính dầu mỡ, phụ tùng hư hỏng dính dầu mỡ,...với khối lượng ước tính lượng khoảng 05 kg/tháng.

b) Đối tượng tác động: Môi trường đất khu vực thi công, khu lưu giữ tạm thời CTNH.

## c) Mức độ tác động: Trung bình.

### **☒ Xây dựng mới kênh N3-2-1 và kênh nội đồng**

a) Nguồn phát sinh chủ yếu trong giai đoạn thi công từ phương tiện thi công, máy móc thiết bị có thành phần chủ yếu là can chứa dầu phụ, giẻ lau dính dầu mỡ, phụ tùng hư hỏng dính dầu mỡ,...với khối lượng ước tính lượng khoảng 05 kg/tháng.

b) Đối tượng tác động: Môi trường đất khu vực thi công, khu lưu giữ tạm thời CTNH.

c) Mức độ tác động: Trung bình.

### **☒ Nâng cấp, cải tạo kênh N1.**

a) Nguồn phát sinh chủ yếu trong giai đoạn thi công từ phương tiện thi công, máy móc thiết bị có thành phần chủ yếu là can chứa dầu phụ, giẻ lau dính dầu mỡ, phụ tùng hư hỏng dính dầu mỡ,...với khối lượng ước tính lượng khoảng 05 kg/tháng.

b) Đối tượng tác động: Môi trường đất khu vực thi công, khu lưu giữ tạm thời CTNH.

c) Mức độ tác động: Trung bình.

### **3.5. Các tác động khác không liên quan đến chất thải:**

#### **☒ Nâng cấp, cải tạo kênh N3-Hồ Việt An**

a) Tác động do tiếng ồn: Từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển; hoạt động của các thiết bị, máy móc thi công trên công trường.

b) Tác động do độ rung: Phát sinh trong trường hợp hoạt động cùng lúc của các thiết bị, máy móc có công suất lớn trên công trường như máy đào, máy đầm...

c) Các tác động khác:

- Nước mưa chảy tràn qua mặt bằng công trường thi công cuốn theo đất cát và các tạp chất rơi vãi trong quá trình thi công gây ngập úng cục bộ khu vực thấp trũng, diện tích đất canh tác nông nghiệp của người dân, tác động đến chất lượng nguồn nước mặt tuyến kênh.

- Làm gián đoạn nguồn nước tưới tiêu, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất nông nghiệp của người dân.

- Hoạt động tập trung đông công nhân có khả năng làm mất an ninh trật tự khu vực Dự án.

- Sự cố cháy nổ trong trường hợp bất cẩn lưu giữ thùng chứa nhiên liệu gần nguồn phát sinh tia lửa, hoặc do thiết bị lưu trữ nhiên liệu không đảm bảo, sự bất cẩn của công nhân vô ý làm rơi tàn thuốc đang cháy vào thiết bị lưu giữ nhiên liệu.

- Sự cố lao động có thể xảy ra do sự bất cẩn của công nhân trong quá trình vận hành máy móc thiết bị, thiếu trang bị bảo hộ lao động hoặc thiếu ý thức tuân thủ nội quy an toàn lao động.

### **☒ Xây dựng mới kênh N3-2-1 và kênh nội đồng.**

a) Tác động do tiếng ồn: Từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển; hoạt động của các thiết bị, máy móc thi công trên công trường.

b) Tác động do độ rung: Phát sinh trong trường hợp hoạt động cùng lúc của các thiết bị, máy móc có công suất lớn trên công trường như máy đào, máy đầm...

c) Các tác động khác:

- Tác động của việc chiếm dụng, thu hồi đất: Khoảng 100 hộ dân bị ảnh hưởng bởi thu hồi đất lúa và số mộ bị ảnh hưởng là 115 mộ (bao gồm 100 mộ đất và 15 mộ xây).

- Nước mưa chảy tràn qua mặt bằng công trường thi công cuốn theo đất cát và các tạp chất rơi vãi trong quá trình thi công gây ngập úng cục bộ khu vực thấp trũng, diện tích đất canh tác nông nghiệp của người dân, tác động đến chất lượng nguồn nước mặt tuyến kênh.

- Làm gián đoạn nguồn nước tưới tiêu, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất nông nghiệp của người dân.

- Việc thi công cầu máng có thể làm thu hẹp tạm thời dòng chảy, hoạt động đào đắp có nguy cơ tràn, đổ đất xuống khu vực ruộng lúa ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất nông nghiệp và chất lượng nước của tuyến kênh thủy lợi.

- Hoạt động tập trung đông công nhân có khả năng làm mất an ninh trật tự khu vực Dự án.

- Sự cố cháy nổ trong trường hợp bất cẩn lưu giữ thùng chứa nhiên liệu gần nguồn phát sinh tia lửa, hoặc do thiết bị lưu trữ nhiên liệu không đảm bảo, sự bất cẩn của công nhân vô ý làm rơi tàn thuốc đang cháy vào thiết bị lưu giữ nhiên liệu.

- Sự cố lao động có thể xảy ra do sự bất cẩn của công nhân trong quá trình vận hành máy móc thiết bị, thiếu trang bị bảo hộ lao động hoặc thiếu ý thức tuân thủ nội quy an toàn lao động.

### **☒ Nâng cấp, cải tạo kênh N1-Hố Giang.**

a) Tác động do tiếng ồn: Từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển; hoạt động của các thiết bị, máy móc thi công trên công trường.

b) Tác động do độ rung: Phát sinh trong trường hợp hoạt động cùng lúc của các thiết bị, máy móc có công suất lớn trên công trường như máy đào, máy đầm...

c) Các tác động khác:

- Nước mưa chảy tràn qua mặt bằng công trường thi công cuốn theo đất cát và các tạp chất rơi vãi trong quá trình thi công gây ngập úng cục bộ khu vực thấp trũng, diện tích đất canh tác nông nghiệp của người dân, tác động đến chất lượng nguồn nước mặt tuyến kênh.

- Hoạt động đào đắp có nguy cơ tràn, đổ đất đào đắp xuống khu vực ruộng lúa, kênh thủy lợi làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất nông nghiệp và ảnh hưởng đến dòng chảy, chất lượng nước của kênh thủy lợi.

- Làm gián đoạn nguồn nước tưới tiêu, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất nông nghiệp của người dân.

- Hoạt động tập trung đông công nhân có khả năng làm mất an ninh trật tự khu vực Dự án.

- Sự cố cháy nổ trong trường hợp bất cẩn lưu giữ thùng chứa nhiên liệu gần nguồn phát sinh tia lửa, hoặc do thiết bị lưu trữ nhiên liệu không đảm bảo, sự bất cẩn của công nhân vô ý làm rơi tàn thuốc đang cháy vào thiết bị lưu giữ nhiên liệu.

- Sự cố lao động có thể xảy ra do sự bất cẩn của công nhân trong quá trình vận hành máy móc thiết bị, thiếu trang bị bảo hộ lao động hoặc thiếu ý thức tuân thủ nội quy an toàn lao động.

#### **4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:**

##### **4.1. Các công trình và biện pháp giảm thiểu nước thải:**

###### **☒ Nâng cấp, cải tạo kênh N3-Hồ Việt An**

- Ưu tiên sử dụng lao động là người dân địa phương, giảm thiểu công nhân tập trung tại công trường, tuyên truyền nhắc nhở công nhân lao động đi vệ sinh đúng nơi quy định.

- Bố trí nhà vệ sinh di động phục vụ cho nhu cầu vệ sinh cá nhân của công nhân xây dựng và hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, xử lý chất thải khi đầy dung tích bể chứa.

- Bố trí 01 bồn chứa nước dung tích 300 lít để rửa các thiết bị, dụng cụ xây dựng, phần nước sau khi lắng được tận dụng để rửa vật liệu xây dựng, tưới ẩm khu vực thi công, không xả thải ra môi trường.

\* Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Quản lý, giám sát, thực hiện, bảo đảm toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đều được thu gom, xử lý, đáp ứng các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường.

###### **☒ Xây dựng mới kênh N3-2-1 và kênh nội đồng**

- Ưu tiên sử dụng lao động là người dân địa phương, giảm thiểu công nhân tập trung tại công trường, tuyên truyền nhắc nhở công nhân lao động đi vệ sinh đúng nơi quy định.

- Bố trí nhà vệ sinh di động phục vụ cho nhu cầu vệ sinh cá nhân của công nhân xây dựng và hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, xử lý chất thải khi đầy dung tích bể chứa.

- Bố trí 01 bồn chứa nước dung tích 300 lít để rửa các thiết bị, dụng cụ xây dựng, phần nước sau khi lắng được tận dụng để rửa vật liệu xây dựng, tưới ẩm khu vực thi công, không xả thải ra môi trường.

\* Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Quản lý, giám sát, thực hiện, bảo đảm toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đều được thu gom, xử lý, đáp ứng các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường.

###### **☒ Nâng cấp, cải tạo kênh N1.**

- Ưu tiên sử dụng lao động là người dân địa phương, giảm thiểu công nhân tập trung tại công trường, tuyên truyền nhắc nhở công nhân lao động đi vệ sinh đúng nơi quy định.

- Bố trí nhà vệ sinh di động phục vụ cho nhu cầu vệ sinh cá nhân của công nhân xây dựng và hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, xử lý chất thải khi đầy dung tích bể chứa.

- Bố trí 01 bồn chứa nước dung tích 300 lít để rửa các thiết bị, dụng cụ xây dựng, phần nước sau khi lắng được tận dụng để rửa vật liệu xây dựng, tưới ẩm khu vực thi công, không xả thải ra môi trường.

\* Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Quản lý, giám sát, thực hiện, bảo đảm toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đều được thu gom, xử lý, đáp ứng các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường.

#### **4.2. Các công trình và biện pháp thu gom và xử lý bụi và khí thải:**

Các công trình và biện pháp thu gom và xử lý bụi và khí thải trong quá trình xây dựng cải tạo, nâng cấp tuyến kênh N1-Hồ Việt An; Cải tạo, nâng cấp tuyến kênh N3-Hồ Giang; xây dựng mới tuyến kênh N3-2-1 và kênh nội đồng:

- Thường xuyên phun nước làm ẩm mặt bằng thi công với tần suất ít nhất là 02 lần/ngày nhằm hạn chế một phần bụi, đất, cát theo gió phát tán vào không khí.

- Tiến hành san ủi vật liệu sau khi tập kết tại vị trí thi công để giảm sự khuếch tán vật liệu theo gió vào môi trường. Tính toán khối lượng nguyên vật liệu thi công hợp lý, không để tồn đọng lâu dài tại công trường thi công. Tiến hành che chắn nguyên vật liệu vào những ngày có mưa to, gió lớn.

- Bố trí máy móc thi công hợp lý, tránh tập trung cùng một thời điểm trên công trường. Thi công dứt điểm từng đoạn tuyến, thực hiện tốt việc quản lý công tác xây dựng và giám sát công trường.

- Các phương tiện vận chuyển được kiểm định định kỳ, cam kết tất cả các máy móc, thiết bị thi công cơ giới đưa vào sử dụng đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường.

- Cam kết sử dụng nhiên liệu cho phương tiện vận chuyển, máy móc thiết bị thi công là nhiên liệu sạch, được cho phép lưu hành trên thị trường.

- Trang bị bảo hộ lao động như: khẩu trang, giày, găng tay, kính... cho công nhân làm việc trực tiếp tại công trường.

\* Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Quản lý, giám sát, thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh bởi hoạt động của Dự án; bảo đảm môi trường không khí xung quanh khu vực Dự án trong các giai đoạn Dự án luôn nằm trong giới hạn cho phép theo quy định tại QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí và QCVN 06:2009/BTNMT – quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về một số chất độc hại.

#### **4.3. Các công trình, biện pháp quản lý CTR:**

##### **☒ Nâng cấp, cải tạo kênh N3-Hồ Việt An**

## a) Đối với CTR xây dựng:

- Bố trí công nhân thường xuyên thu gom CTR phát sinh trên bề mặt công trường thi công.

- Khối lượng đất đá thải phát sinh trong quá trình thi công được thu gom, vận chuyển đến bãi thải Đòng Chùa. Cam kết đổ thải đúng vị trí, chiều cao bãi thải, thực hiện san gạt, lu lèn phòng ngừa sự cố trôi trượt bãi thải.

- Các loại CTR khác được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

## b) Đối với CTR sinh hoạt:

- Bố trí thùng thu gom rác loại 240l tại khu vực bãi tập kết và khu vực thi công công trình.

- Hợp đồng với đơn vị chức năng trên địa bàn để thu gom, vận chuyển với tần suất khoảng 2 lần/tuần đến khu xử lý rác thải.

\* Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại CTR thi công, CTR sinh hoạt trong quá trình hoạt động Dự án bảo đảm các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của quy định Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

### **☒ Xây dựng mới kênh N3-2-1 và kênh nội đồng**

## a) Đối với CTR xây dựng:

- Bố trí công nhân thường xuyên thu gom CTR phát sinh trên bề mặt công trường thi công.

- Khối lượng đất đá thải, đất mùn hữu cơ tại khu vực ruộng lúa phát sinh trong quá trình thi công được thu gom, vận chuyển đến bãi thải rừng Dầu xã Quế Phong, và bãi thải khe Trầu xã Quế Long, huyện Quế Sơn để lưu giữ. Cam kết đổ thải đúng vị trí, chiều cao bãi thải, thực hiện san gạt, lu lèn phòng ngừa sự cố trôi trượt bãi thải. Xây dựng phương án sử dụng khối lượng đất mùn hữu cơ theo quy định của pháp luật về sử dụng tầng đất mặt ruộng lúa.

- Cam kết đổ thải đúng vị trí, chiều cao bãi thải, thực hiện san gạt, lu lèn phòng ngừa sự cố trôi trượt bãi thải.

- Các loại CTR khác được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

## b) Đối với CTR sinh hoạt:

- Bố trí thùng thu gom rác loại 240 L tại khu vực bãi tập kết và khu vực thi công công trình.

- Hợp đồng với đơn vị chức năng trên địa bàn để thu gom, vận chuyển với tần suất khoảng 2 lần/tuần đến khu xử lý rác thải.

\* Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ

các loại CTR thi công, CTR sinh hoạt trong quá trình hoạt động Dự án bảo đảm các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của quy định Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

### **☒ Nâng cấp, cải tạo tuyến kênh N1-Hồ Giang**

a) Đối với CTR xây dựng:

- Bố trí công nhân thường xuyên thu gom CTR phát sinh trên bề mặt công trường thi công.

- Khối lượng đất đá thải phát sinh trong quá trình thi công được thu gom, vận chuyển đến bãi thải Đồng Thành xã Quế Châu, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam. Cam kết đổ thải đúng vị trí, chiều cao bãi thải, thực hiện san gạt, lu lèn phòng ngừa sự cố trôi trượt bãi thải.

- Các loại CTR khác được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

b) Đối với CTR sinh hoạt:

- Bố trí thùng thu gom rác loại 240 L tại khu vực bãi tập kết và khu vực thi công công trình.

- Hợp đồng với đơn vị chức năng trên địa bàn để thu gom, vận chuyển với tần suất khoảng 2 lần/tuần đến khu xử lý rác thải.

\* Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại CTR thi công, CTR sinh hoạt trong quá trình hoạt động Dự án bảo đảm các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của quy định Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

### **4.4. Các công trình biện pháp quản lý CTNH:**

#### **☒ Nâng cấp, cải tạo kênh N3.**

Nhằm giảm thiểu tác động của CTNH phát sinh từ hoạt động thi công cải tạo, nâng cấp tuyến kênh N1-Hồ Việt An; Cải tạo, nâng cấp tuyến kênh N3-Hồ Giang; xây dựng mới tuyến kênh N3-2-1 và kênh nội đồng, các biện pháp phải được thực hiện đồng bộ đối với từng khu vực thi công công trình, cụ thể như sau:

- Không thực hiện sửa chữa phương tiện, máy móc, thiết bị tại công trường, yêu cầu đơn vị thi công định kỳ sửa chữa, bảo dưỡng tại gara nhằm hạn chế, giảm thiểu CTNH tại công trường.

- Thực hiện phân loại, bố trí thùng chứa lưu giữ riêng biệt theo từng thành phần CTNH phát sinh, gắn nhãn dán CTNH và lưu giữ tạm thời tại kho chứa gần khu vực bãi tập kết. Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý CTNH theo quy định với tần suất 06 tháng/lần.

\* Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ

các loại CTNH trong quá trình hoạt động Dự án bảo đảm các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của quy định Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

#### **4.5. Các biện pháp giảm thiểu tác động không liên quan đến chất thải:**

##### **a) Giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:**

- Lựa chọn đơn vị thi công có thiết bị và phương tiện thi công cơ giới hiện đại, có kỹ thuật và uy tín cao.

- Phương tiện vận chuyển phải hạn chế sử dụng còi, giảm tốc độ khi đi qua khu vực dân cư.

- Không sử dụng máy móc, thiết bị thi công quá cũ gây tiếng ồn lớn. Thường xuyên kiểm tra bảo dưỡng, lắp đặt chân đế cho máy móc, thiết bị để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.

- Xây dựng kế hoạch vận chuyển, thi công hợp lý để hạn chế việc gây ô nhiễm tiếng ồn, độ rung. Không sử dụng cùng lúc nhiều máy móc, thiết bị thi công để tránh tác động cộng hưởng của tiếng ồn.

\* Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung và các quy chuẩn hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong suốt quá trình hoạt động.

##### **b) Giảm thiểu tác động nước mưa chảy tràn, chống ngập úng:**

- Khu vực tập kết vật liệu xây dựng được che chắn để tránh nước mưa chảy tràn sẽ cuốn theo vật liệu. Ngừng thi công và tập kết vật liệu vào những ngày có mưa lớn.

- Tổ chức dọn vệ sinh sạch sẽ trên công trường sau mỗi ngày làm việc để hạn chế cuốn trôi chất thải theo nước mưa chảy tràn ra khu vực xung quanh.

- Hạn chế thi công các hạng mục liên quan đến đào, đắp vào lúc có mưa để hạn chế khả năng xói lở, bồi lấp các mương thoát nước của khu vực.

##### **c) Giảm thiểu tác động đến kinh tế - xã hội:**

**c<sub>1</sub>) Biện pháp giảm thiểu tác động do hoạt động thu hồi đất, giải phóng mặt bằng:**

- Xây dựng phương án và thực hiện bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân bị thu hồi đất theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Thông báo thời hạn giải phóng mặt bằng cho người dân biết để tự thu hoạch nông sản, chủ động tháo dỡ công trình, thu hồi tài sản.

**c<sub>2</sub>) Biện pháp giảm thiểu tác động do việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa:** cam kết tiến hành thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất trước khi triển khai thực hiện Dự án. Không tác động vào các diện tích đất lúa khi chưa hoàn thành đầy



đủ các thủ tục pháp lý liên quan.

c<sub>3</sub>) Biện pháp giảm thiểu chất lượng nguồn nước mặt khi thi công cầu máng: Thi công tới đâu vận chuyển nguyên vật liệu đến đó, không vận chuyển nhiều gây rơi vãi xuống lòng suối làm ảnh hưởng đến chất lượng nước suối, ảnh hưởng đến hệ thủy sinh ở đây. Tại các lòng suối với giải pháp cầu máng gác trên mố, sau khi xây dựng công trình gần như trả lại hiện trạng của lòng suối. Nên không ảnh hưởng đến hệ sinh thái. Thực hiện đắp đê kè các tuyến kênh nhằm giảm thiểu sạt lở, sụt lún công trình.

c<sub>4</sub>) Biện pháp giảm thiểu tác động tràn đất vào khu vực sản xuất nông nghiệp, nương thủy lợi: Trước khi đào đắp đơn vị thi công cần phải đắp bờ vây những vị trí có nguy cơ tràn đất, không đổ đất quá cao, đổ đến đâu san gạt đến đó. Đất đào sẽ được vận chuyển đến bãi thải trong ngày, không tập kết tại không vực thi công. Ngoài ra, quá trình thi công được thực hiện theo lịch kết thúc mùa vụ của người dân và theo lịch cắt nước của đơn vị quản lý vận hành, do đó sẽ không làm ảnh hưởng đến khu vực sản xuất nông nghiệp của người dân và không gây ô nhiễm nguồn nước mặt tại tuyến kênh.

c<sub>5</sub>) Giảm thiểu tác động đến hoạt động giao thông:

- Chở đúng tải trọng quy định, đi đúng tốc độ cho phép. Hạn chế tần suất, mật độ phương tiện vận tải trong giờ cao điểm: sáng từ 6h-8h, chiều từ 16h-18h.

- Người điều khiển phương tiện vận chuyển phải qua đào tạo có giấy phép lái xe và chứng chỉ quy định nhằm đảm bảo an toàn giao thông.

- Sử dụng bạt che chắn kỹ càng, đầy đủ để giảm thiểu rơi vãi và bụi phát tán.

- Không tập kết phương tiện máy móc thi công của dự án trên đường hiện hữu; không để các bãi chứa vật liệu, đất đá là phé thải trong hành lang giao thông.

- Đặt biển cảnh báo khu vực thi công theo quy định.

- Thực hiện hoàn trả, sửa chữa hư hỏng các đường địa phương được sử dụng để phục vụ thi công công trình (nếu có).

c<sub>6</sub>) Biện pháp giảm thiểu tác động từ bãi thải:

- Giám sát việc đổ thải chất thải của dự án, đổ thải đúng vị trí bãi thải, chỉ được phép đổ thải trong phạm vi cho phép của bãi thải và không đổ quá sức chứa của bãi thải.

- Đất đổ thải được san gạt, lu lèn ngay sau khi đổ.

- Sau khi kết thúc thi công, tiến hành san gạt, lu lèn bãi thải đảm bảo hạn chế trôi trượt đất theo nước mưa và gió thổi cuốn đất thải gây bồi lấp các khu vực xung quanh trước khi hoàn trả mặt bằng cho địa phương quản lý.

c<sub>7</sub>) Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ:

- Quá trình thi công phải tuân thủ theo TCVN 3254-89 An toàn cháy - Yêu cầu chung và TCVN 3255-86 An toàn nổ - Yêu cầu chung.

- Có các biển báo, trang bị các dụng cụ phòng chữa cháy, đảm bảo yêu cầu không để xảy ra cháy nổ gây thiệt hại đặc biệt về người.

#### **4.6. Một số biện pháp quản lý sau khi Dự án nghiệm thu, đưa vào khai thác sử dụng:**

Sau khi hoàn thành thi công công trình, UBND huyện Quế Sơn sẽ chỉ đạo, tổ chức bàn giao công trình cho đơn vị quản lý, khai thác, vận hành theo đúng quy định. Theo đó, đơn vị quản lý, khai thác, vận hành công trình sẽ có trách nhiệm thực hiện một số nhiệm vụ sau đây:

- Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao ý thức của người dân trong việc bảo vệ chất lượng nguồn nước, bảo vệ công trình hạ tầng kênh mương; khuyến khích và kêu gọi bà con nông dân trong công tác giữ gìn vệ sinh môi trường, thu gom vỏ, bao bì, chai lọ thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng.

- Quản lý vận hành hệ thống kênh tưới và công trình trên kênh theo đúng quy trình kỹ thuật; định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng, lập sổ theo dõi tình hình hoạt động của toàn bộ hệ thống kênh và công trình trên kênh.

Đối với các Hợp tác xã nông nghiệp (Hộ dùng nước) trực tiếp quản lý hệ thống kênh nội đồng (kênh mương thủy lợi nhỏ trực tiếp đưa nước vào ruộng). Với sự hỗ trợ về kỹ thuật của đơn vị được giao quản lý vận hành công trình, các Hợp tác xã có trách nhiệm thực hiện việc hướng dẫn, kiểm tra tổ chức, cá nhân sử dụng nước về cách thức lấy, tháo nước vào ruộng theo kế hoạch.

### **5. Chương trình giám sát môi trường của Dự án:**

#### **5.1. Giai đoạn thi công xây dựng:**

a) Giám sát môi trường không khí:

- Các thông số giám sát: Vi khí hậu, tiếng ồn, độ rung, bụi tổng, CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>.

- Vị trí giám sát: 01 điểm tại khu vực thi công xây dựng.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/ lần.

- Quy định áp dụng:

+ QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

+ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

+ QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

b) Giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại:

- Các thông số giám sát: Công tác thu gom, tập kết và lưu trữ CTR và CTNH.

- Vị trí giám sát: Công trường thi công.

- Tần suất giám sát: giám sát thường xuyên.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông

tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

## **5.2. Trong giai đoạn hoạt động:**

Giám sát sụt lún, sạt lở tuyến kênh

- Vị trí giám sát: Khu vực các tuyến kênh.
- Tần suất giám sát: 01 lần/năm.

## **6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường**

Chủ dự án có trách nhiệm tuân thủ và thực hiện các nội dung sau:

- Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành được quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Luật Đất đai, Luật Đầu tư công, Luật Thủy lợi, Luật Xây dựng và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành có liên quan, đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện Dự án.

- Tuân thủ các quy định về bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành theo quy định tại Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT ngày 27/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Quyết định số 11/2023/QĐ-UBND ngày 10/5/2023 của UBND tỉnh Quảng Nam.

- Khối lượng đất đào, đất đắp san lấp mặt bằng liên quan đến Dự án thực hiện theo đúng quy định của Luật Khoáng sản, Luật Thuế tài nguyên, Luật Bảo vệ môi trường trong quá trình mua bán, vận chuyển và sử dụng.

- Khối lượng đất đào tăng mặt của đất chuyên trồng lúa nước thực hiện theo đúng quy định tại Điều 57 Luật Trồng trọt năm 2018 và Điều 14, Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trồng trọt về giống cây trồng và canh tác.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp để hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến các hoạt động giao thông, kinh tế dân sinh, hệ sinh thái, cảnh quan, môi trường khu vực Dự án.

- Yêu cầu đơn vị thi công chấp hành các quy định về an toàn giao thông; lắp đặt biển báo, mốc giới khu vực thi công để đảm bảo an toàn giao thông. Bố trí đầy đủ lực lượng, phương tiện tham gia công tác cảnh giới và điều tiết lưu thông theo quy định. Chủ động phòng ngừa, ứng phó với mưa bão và các điều kiện thời tiết cực đoan để đảm bảo an toàn cho người, phương tiện và các công trình khu vực Dự án.

- Giám sát, quản lý chặt chẽ, đảm bảo các loại chất thải, nước thải phát sinh từ hoạt động thi công của Dự án được thu gom, xử lý, đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Tất cả các loại máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu được sử dụng trong Dự án đều không thuộc danh mục cấm sử dụng ở Việt Nam theo quy định hiện hành.

- Thực hiện chương trình giám sát môi trường, cập nhật và lưu trữ hồ sơ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra. Thường xuyên theo dõi, giám sát hoạt động thi

công, chất lượng công trình trong quá trình thi công tại Dự án. Trong quá trình thi công nếu phát hiện thấy dấu hiệu bất thường phải dừng ngay các hoạt động và báo cáo kịp thời cho cơ quan chức năng để kịp thời kiểm tra, xử lý, đảm bảo giảm thiểu tác động tới cảnh quan, môi trường khu vực Dự án.

- Xây dựng và thực hiện phương án chi tiết về các biện pháp phòng ngừa, ứng cứu sự cố tai nạn giao thông, phòng cháy chữa cháy, xói lở và các rủi ro, sự cố môi trường khác trong giai đoạn thi công theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Đảm bảo kinh phí để thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường như đã nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Tháo dỡ các công trình bố trí tạm tại công trường (nếu có) ngay sau khi kết thúc thi công; thực hiện phục hồi cảnh quan môi trường tại khu vực thi công, khu vực bãi thải, khu vực tập kết máy móc bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện Dự án.

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, hợp lệ của các số liệu, văn bản, tài liệu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án.

- Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình thực hiện Dự án nếu phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường; đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố theo quy định của pháp luật./.